

§6. Phép trừ và phép chia

VŨ HỮU BÌNH
Trường THCS Trưng Vương
Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

I - MỤC TIÊU

Qua bài này, HS cần :

- Hiểu được khi nào thì kết quả của một phép trừ là một số tự nhiên, kết quả của một phép chia là một số tự nhiên.
- Nắm được quan hệ giữa các số trong phép trừ, trong phép chia hết, phép chia có dư.
- Biết vận dụng tìm một số chưa biết trong phép trừ, phép chia. Rèn luyện tính chính xác trong phát biểu và giải toán.

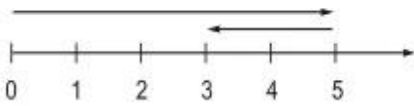
II - CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

Giáo viên chuẩn bị phấn màu khi dùng tia số để tìm hiệu của hai số.

III - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Phép trừ hai số tự nhiên

THỜI GIAN	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
(1)	(2)	(3)
3 phút	Đưa ra tình huống : Xét xem có số tự nhiên x nào mà : a) $2 + x = 5$ hay không ? b) $6 + x = 5$ hay không ?	HS tìm giá trị của x . Ở câu a, tìm được $x = 3$. Ở câu b, không tìm được giá trị của x .
	<ul style="list-style-type: none">• Nhận xét : Ở câu a ta có phép trừ : $5 - 2$.• Khái quát và ghi bảng : Cho hai số tự nhiên a và b, nếu có số tự nhiên x sao cho $b + x = a$ thì có phép trừ $a - b = x$.	

(1)	(2)	(3)
5 phút	<ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu cách xác định hiệu của hai số bằng tia số (nhằm chuẩn bị cho HS cộng các số nguyên ở chương II) : Xác định kết quả của 5 trừ 2 như sau (h.14 SGK) :  <ul style="list-style-type: none"> Đặt bút chì ở điểm 0, di chuyển trên tia số 5 đơn vị theo chiều mũi tên (GV dùng phấn màu minh họa). Di chuyển bút chì theo chiều ngược lại 2 đơn vị (dùng phấn màu). Khi đó bút chì chỉ điểm 3, đó là hiệu của 5 và 2. GV giải thích 5 không trừ được 6 : Khi di chuyển bút từ điểm 5 theo chiều ngược chiều mũi tên 6 đơn vị thì bút vượt ra ngoài tia số (h.16 SGK). 	<p>HS dùng bút chì di chuyển trên tia số ở hình 14 SGK theo hướng dẫn của GV.</p> <p>Theo cách trên, HS tìm hiệu : 7 trừ 3 ; 5 trừ 6.</p>
5 phút	<ul style="list-style-type: none"> Củng cố bằng ?1. Nhấn mạnh : <ul style="list-style-type: none"> Số bị trừ = Số trừ \Rightarrow Hiệu bằng 0. Số trừ = 0 \Rightarrow Số bị trừ = Hiệu. Số bị trừ \geq Số trừ. <p>(Chú ý ở câu này có HS trả lời thiếu là $a > b$).</p>	<p>?1 : HS trả lời miệng :</p> <p>a) $a - a = \dots$ <i>Đáp</i> : 0. b) $a - 0 = \dots$ <i>Đáp</i> : a. c) Điều kiện để có hiệu $a - b$ là ... <i>Đáp</i> : $a \geq b$.</p>

2. Phép chia hết và phép chia có dư

THỜI GIAN	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
(1)	(2)	(3)
	<ul style="list-style-type: none"> Đưa ra tình huống : Xét xem có số tự nhiên x nào mà : a) $3 \cdot x = 12$ hay không ? 	Ở câu a, HS tìm được $x = 4$.

(1)	(2)	(3)
10 phút	<p>b) $5 \cdot x = 12$ hay không ?</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận xét : Ở câu a ta có phép chia $12 : 3 = 4$. Khái quát và ghi bảng : <p>Cho hai số tự nhiên a và b ($b \neq 0$), nếu có số tự nhiên x sao cho $b \cdot x = a$ thì ta có phép chia hết $a : b = x$.</p> <ul style="list-style-type: none"> Củng cố bằng ?2. 	<p>Ở câu b, HS không tìm được giá trị của x.</p> <p>?2 : HS trả lời miệng :</p> <p>a) $0 : a = \dots$ <i>Đáp</i> : 0. b) $a : a = \dots$ <i>Đáp</i> : 1. c) $a : 1 = \dots$ <i>Đáp</i> : a.</p>
12 phút	<ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu hai phép chia : $\begin{array}{r} 12 \overline{) 3} \\ 0 \overline{) 4} \end{array} \qquad \begin{array}{r} 14 \overline{) 3} \\ 2 \overline{) 4} \end{array}$ <p>Hai phép chia trên có gì khác nhau ?</p> <ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu phép chia hết, phép chia có dư. GV ghi : $a = b \cdot q + r \quad (0 \leq r < b)$ <p>Nếu $r = 0$ thì $a = b \cdot q$: phép chia hết. Nếu $r \neq 0$ thì phép chia có dư.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu câu hỏi : <p>– Bốn số : Số bị chia, số chia, thương, số dư có quan hệ gì ? – Số chia có điều kiện gì ? – Số dư có điều kiện gì ?</p> <ul style="list-style-type: none"> Củng cố bằng ?3. 	<ul style="list-style-type: none"> <i>Trả lời</i> : Phép chia thứ nhất có số dư bằng 0. Phép chia thứ hai có số dư khác 0. HS đọc phần tổng quát (đầu trang 22 SGK) <i>Trả lời</i> : $\text{Số bị chia} = \text{Số chia} \times \text{Thương} + \text{Số dư}$ <p>Số chia $\neq 0$. Số dư $<$ số chia.</p> <ul style="list-style-type: none"> ?3 <p>HS làm vào giấy rồi báo cáo kết quả. <i>Đáp</i> : Câu a : Thương 35, số dư 5. Câu b : Thương 41, số dư 0. Câu c : Không xảy ra vì số chia bằng 0. Câu d : Không xảy ra vì số dư lớn hơn số chia.</p>

3. Củng cố và hướng dẫn

THỜI GIAN	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
8 phút	<ul style="list-style-type: none"> Củng cố : Bài tập 44a, d. <p>Cách tìm số bị chia ?</p> <p>Cách tìm số bị trừ ?</p> <ul style="list-style-type: none"> Viết một phép trừ. Điều kiện để thực hiện được phép trừ là gì ? Viết một phép chia hết. Điều kiện để a chia hết cho b là gì ? Viết một phép chia có dư. Nêu quan hệ giữa bốn số trong phép chia đó. Nêu điều kiện của số chia, của số dư. 	<ul style="list-style-type: none"> <i>Bài 44a</i> : Tìm x biết : $x : 13 = 41$ $x = 41 \times 13 = 533$. Số bị chia = Thương \times Số chia. <i>Bài 44d</i> : Tìm x biết : $7x - 8 = 713$ $7x = 713 + 8 = 721$ $x = 721 : 7 = 103$. Số bị trừ = Hiệu + Số trừ. Số bị trừ \geq Số trừ. Có số tự nhiên q sao cho $a = b \cdot q$ a, b là các số tự nhiên, $b \neq 0$. Số bị chia = Số chia \times Thương + Số dư. Số chia $\neq 0$. Số dư $<$ Số chia.
2 phút	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn : Bài 41 đến bài 45 SGK. 	